

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thìn

2. Ông Nguyễn Viết Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Tý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: - Chị **Mai Thị Phương A**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Đường N9, Khu 17 Ha, Khu phố BK, thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: - Anh **Châu Chí B**, sinh năm 1977 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N9, Khu 17 Ha, Khu phố BK, thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 01 tháng 8 năm 2017 cũng như tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Phương A trình bày:

Về hôn nhân: Chị A và anh Châu Chí B chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, từ cuối năm 2016 đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay gây gổ và có hành động bạo lực với chị A. Trong thời gian chung sống chị A cũng đã cho anh B nhiều cơ hội, gia đình đôi bên cũng đã nhiều lần khuyên nhủ để các bên có thể hiểu nhau nhưng càng cố gắng thì

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị A xác định tình cảm dành cho anh B không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị A và anh B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề chung khác: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Châu Chí B tại bản tự khai ngày 02/8/2017 anh Bào trình bày:

Về hôn nhân: Anh B chung sống tự nguyện với chị Mai Thị Phương A và có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không có hạnh phúc mà thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không được sự tôn trọng của một người chồng dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B thì anh B xác định tình cảm dành cho chị A không còn nên anh B đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh B và chị A không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề chung khác: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Châu Chí B vắng mặt, có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình cho chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: các bên không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Mai Thị phương A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Châu Chí B có nơi cư trú tại thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

2. Về việc vắng mặt của bị đơn: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện ĐP đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh B nhưng tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Châu Chí B.

3. Nội dung vụ án:

3.1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Phương A và anh Châu Chí B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm các bên không còn nên không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng anh B xác định tình cảm dành cho chị A không còn, đồng ý ly hôn với chị A, không muốn hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt, điều này thể hiện anh B không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị A đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị A được ly hôn anh B là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Chị A và anh B đều trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị A và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Mai Thị Phương A được ly hôn với anh Châu Chí B.

2. Về con chung: Các bên không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng, chị Mai Thị Phương A phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024163 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

Chị Mai Thị Phương A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Châu Chí B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND thị trấn Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS, BP.HNGĐ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã Ký)

Nguyễn Đức Hùng

